

Số: 182/CV-VASEP
V/v: cung cấp thông tin về xuất khẩu thủy sản

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2025

Kính gửi: Cục Xuất Nhập khẩu

Phúc đáp Công văn số 1277/XNK-NH ngày 09/10/2025 của Cục Xuất Nhập khẩu về việc cung cấp thông tin về xuất khẩu thủy sản, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) xin báo cáo như sau:

I. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM 3 NĂM QUA (2022 – 2024) VÀ 09 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VỚI SỰ THAM GIA CỦA DOANH NGHIỆP TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ THỦY SẢN

Trong giai đoạn 2022-2024, Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam khá ấn tượng. Năm 2022 sau đại dịch Covid, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc đạt gần 11 tỷ USD . Tuy nhiên, trong năm 2023, kim ngạch xuất khẩu giảm 18% so với năm trước, đạt 8,96 tỷ USD, trước khi phục hồi 12% vào năm 2024.

Tháng 9/2025, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 991 triệu USD (tăng 7,5%), giúp cho XK thủy sản trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 8,3 tỷ USD (tăng 15,5% so với cùng kỳ)

Việt Nam tiếp tục duy trì vị thế là một trong những quốc gia xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới. Đặc biệt, trong lĩnh vực xuất khẩu tôm, Việt Nam đứng thứ hai toàn cầu, chiếm khoảng 13-14% tổng giá trị xuất khẩu tôm thế giới.

Xuất khẩu theo nhóm sản phẩm:

- Tôm:** Luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu xuất khẩu thủy sản, tôm đóng góp 39% tổng kim ngạch năm 2024, đạt 3,88 tỷ USD. Mặc dù có sự sụt giảm vào năm 2023, xuất khẩu tôm đã phục hồi vào năm 2024. Xuất khẩu tôm trong 9 tháng đầu năm 2025 đạt 3,4 tỷ USD (tăng mạnh 21,7% so với cùng kỳ).
- Cá tra:** Đứng thứ hai với 20% tỷ trọng, kim ngạch XK cá tra năm 2024 đạt 2,03 tỷ USD. Năm 2024, xuất khẩu cá tra vượt mốc 2 tỷ USD, nhờ nhu cầu tăng từ các thị trường chính. Cá tra xuất khẩu đạt 1,6 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2025 (tăng 9,2%).
- Cá ngừ:** Chiếm 10% tổng kim ngạch, xuất khẩu cá ngừ đạt 988,66 triệu USD năm 2024, giảm so với năm 2022. Trong 9 tháng đầu năm 2025, cá ngừ xuất khẩu đạt 705,3 triệu USD (giảm 3,1% so với cùng kỳ).
- Các sản phẩm khác:** Mực, bạch tuộc, nhuyễn thể có vỏ, cua ghe và các loại hải sản khác cũng đóng góp quan trọng, với tổng kim ngạch đạt khoảng 4,14 tỷ USD năm 2024. Trong 9 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu các mặt hàng mực, bạch tuộc, nhuyễn thể có vỏ, cua ghe đều tăng cao (lần lượt: 544,7 triệu USD, 190 triệu USD, 272 triệu USD, còn nhuyễn thể khác (7,8 triệu USD) giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu thủy sản theo sản phẩm chính, 2022-2024 (ĐVT: triệu USD)				
Sản phẩm	2022	2023	2024	Tỷ trọng năm 2024
Tôm	4.316,688	3.389,294	3.877,930	39%
Cá tra	2.443,670	1.838,217	2.028,292	20%

Cá ngừ	1.017,023	845,092	988,662	10%
Cá các loại khác	2.062,079	1.889,371	1.922,268	19%
Mực, bạch tuộc	763,179	659,924	656,951	7%
Nhuyễn thể có vỏ	143,786	126,670	218,144	2%
Nhuyễn thể khác	7,339	6,387	12,739	0%
Cua ghẹ và giáp xác khác	227,019	207,218	324,293	3%
Tổng	10.980,784	8.962,173	10.029,279	100%

XK thủy sản tháng 9 và 09 tháng đầu năm 2025 (ĐVT: triệu USD)				
Sản phẩm	Tháng 9	So cùng kỳ (%)	9 tháng đầu năm	So cùng kỳ (%)
Tôm các loại	449,6	14,1	3.423,6	21,7
Cá tra	180,7	5,2	1.599,1	9,2
Cá ngừ	72,6	-9,5	705,3	-3,1
Cá các loại khác	175,1	10,2	1.604,5	17,9
Mực, bạch tuộc	67,7	17,4	544,7	17,6
Nhuyễn thể có vỏ	24,4	8,6	190,0	29,0
Nhuyễn thể khác	1,7	10,2	7,8	-20,3
Cua ghẹ và giáp xác khác	41,9	18,4	281,2	23,1
Tổng	1.013,7	9,9	8.356,3	15,8

Xuất khẩu theo thị trường chính:

- **Khối CPTPP:** xuất khẩu 9 tháng đầu năm đạt 2,3 tỷ USD tăng 25,3% so với cùng kỳ.
- Xét riêng từ thị trường: **Trung Quốc & Hồng Kông** là thị trường lớn nhất, chiếm 19% tổng kim ngạch năm 2024, đạt 1,90 tỷ USD. 9 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu đạt 1,8 tỷ USD (tăng 33,6% so với cùng kỳ năm 2024)
- **Mỹ:** Đứng thứ hai với 18% thị phần, kim ngạch đạt 1,82 tỷ USD năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 đạt 1,4 tỷ USD (tăng 8,4%)
- **Nhật Bản:** Chiếm 15% tổng kim ngạch, đạt 1,52 tỷ USD năm 2024. Xuất khẩu đạt 1,3 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2025.
- **EU:** Đóng góp 10% với 1,04 tỷ USD. 9 tháng đầu năm tăng 13,3% (đạt 884 triệu USD)
- **Hàn Quốc và ASEAN:** Lần lượt chiếm 8% và 6% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2024. 9 tháng đầu năm 2025 đạt lần lượt 645,4 và 535,6 triệu USD.

Xuất khẩu thủy sản sang các thị trường chính, 2022-2024 (ĐVT: triệu USD)				
Thị trường	2022	2023	2024	Tỷ trọng năm 2024
Trung Quốc & HK	1.776,298	1.517,076	1.898,605	19%
Mỹ	2.146,811	1.563,467	1.819,772	18%
Nhật Bản	1.707,655	1.500,452	1.522,875	15%
EU	1.309,500	954,053	1.043,094	10%
Hàn Quốc	949,634	786,526	806,290	8%
ASEAN	779,789	668,426	633,838	6%
Trung Đông	318,900	309,112	365,861	4%
Thị trường khác	1.992,196	1.663,060	1.938,944	19%

Tổng	10.980,784	8.962,173	10.029,279	100%
Tăng trưởng	23%	-18%	12%	

Xuất khẩu thủy sản sang các thị trường chính, tháng 9 và 09 tháng đầu năm 2025 (ĐVT: triệu USD)				
Thị trường	Tháng 9	So cùng kỳ (%)	9 tháng đầu năm	So cùng kỳ (%)
CPTPP	266,2	18,7	2.278,8	25,3
Nhật Bản	149,9	12,3	1.285,4	16,6
TQ&HK	225,1	7,3	1.782,0	33,6
Mỹ	182,3	6,4	1.433,0	8,4
EU	107,0	29,9	884,4	13,3
Hàn Quốc	74,9	28,7	633,3	11,4
Các TT khác	158,2	-10,1	1.344,8	-3,4
Tổng	1.013,7	9,9	8.356,3	15,8

II. CƠ HỘI – THÁCH THỨC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CB&XK THỦY SẢN

1. Cơ hội:

- 1) Ngành thủy sản đã nhận được sự **quan tâm của Chính phủ thông qua các chính sách, chiến lược** thúc đẩy phát triển ngành. Điển hình là Nghị quyết 36/NĐ-TW; Quyết định 339/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- 2) **Việt Nam có thể mạnh về điều kiện tự nhiên** để nuôi trồng thủy sản: hàng triệu ha nước ngọt, nước lợ, nước mặn, nước lạnh, nguồn lợi thủy sản đa dạng. Có nhiều loại đối tượng nuôi, nhiều mô hình nuôi: nước ngọt, nước lợ, nước mặn...
- 3) Việt Nam có thể **cung cấp khối lượng lớn thủy sản an toàn, chất lượng ổn định** nhờ nguồn cung dồi dào với tiềm năng của 21 tỉnh ven biển, với hơn 847 nhà máy chế biến quy mô công nghiệp đáp ứng yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- 4) **Phần lớn các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu là tư nhân** và có thể chủ động đầu tư phát triển bền vững (cả về số lượng và chất lượng) để duy trì sức cạnh tranh quốc tế cho doanh nghiệp và ngành thủy sản.
- 5) Chất lượng sản phẩm thủy sản Việt Nam **được thế giới công nhận**: đáp ứng các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc của các nước. Chính phủ và cộng đồng DN ngày càng quan tâm đến an toàn thực phẩm, trách nhiệm xã hội và môi trường. Các nhà máy chế biến đều áp dụng HACCP. Ngày càng nhiều vùng nuôi, nhà máy chế biến đạt các chứng nhận bền vững như ASC, GLOBALGAP, BAP hay VietGAP... Công nghệ chế biến phát triển có thể tạo ra nhiều loại sản phẩm có giá trị gia tăng cao.
- 6) **Ưu đãi thuế nhập khẩu** tại nhiều thị trường nhờ **các hiệp định thương mại FTA**: Việt Nam đã tham gia 17 FTA với các nước thành viên chiếm 95% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, trong đó có 16 FTA đã được ký kết (chiếm 90% kim ngạch xuất khẩu). Ngoài ra, còn có cơ hội từ việc ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của các sản phẩm thủy sản.

- 7) Việt Nam có nguồn nhân lực thuận lợi cho sự phát triển của ngành thủy sản trong tương lai. Các cơ sở chế biến đáp ứng được yêu cầu **chất lượng cao, giàu kinh nghiệm** chế biến và XK thủy sản sang các thị trường có quy định khắt khe nhất.
- 8) **Lợi thế về sản phẩm giá trị gia tăng** giúp duy trì và mở rộng đối tác tại nhiều thị trường như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc.
- 9) Bất ổn chính trị, lạm phát, chiến tranh thương mại và khủng hoảng năng lượng trên thế giới là những thách thức. Đồng thời cũng là cơ hội để thủy sản Việt Nam thích nghi và mở rộng thị phần tại một số thị trường với sản phẩm đa dạng

2. Thách thức đối với ngành thủy sản:

- 1) **Biến đổi khí hậu và suy giảm nguồn lợi tự nhiên**, tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh, giảm năng suất và chất lượng nguyên liệu
- 2) **Chi phí sản xuất tăng cao**: Giá thức ăn chăn nuôi, nhiên liệu, và chi phí vận chuyển dự kiến sẽ tiếp tục tăng do biến động kinh tế toàn cầu và phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Quy mô sản xuất nhỏ lẻ cũng khiến cho chi phí và giá thành SX và giá bán cao, khó cạnh tranh.
- 3) **Yêu cầu về phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn**: Xu hướng tiêu dùng toàn cầu chuyển sang các sản phẩm "xanh" và bền vững đòi hỏi ngành thủy sản phải đầu tư vào công nghệ hiện đại, giảm thiểu tác động môi trường, và phát triển các sản phẩm từ phụ phẩm. Điều này đòi hỏi nguồn vốn lớn và sự thay đổi trong mô hình sản xuất của DN.
- 4) **Rào cản thương mại và quy định thị trường**: Các thị trường lớn ngày càng áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về chất lượng, an toàn thực phẩm, và bền vững môi trường (ví dụ: quy định IUU, SIMP, MMPA. Ngoài ra, thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp từ Mỹ và các biện pháp bảo hộ thương mại khác có thể hạn chế khả năng tiếp cận thị trường.
- 5) **Chương trình thuế quan mới của Hoa Kỳ** nhiều biến động ảnh hưởng đến giao thương thủy sản với Mỹ và các thị trường khác, nhất là Trung Quốc.
- 6) **Biến động địa chính trị và chuỗi cung ứng**: có thể làm xáo trộn các dòng chảy thương mại giữa các thị trường, gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, tăng chi phí logistics và ảnh hưởng đến XNK thủy sản.
- 7) **Cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt**: Các quốc gia như Ấn Độ, Ecuador, Thái Lan và Trung Quốc đang không ngừng nâng cao sản lượng và chất lượng thủy sản xuất khẩu. Điều này tạo áp lực lớn về giá cả và thị phần cho Việt Nam, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, và Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN.
- 8) Thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao.
- 9) Thay đổi về chính sách trong nước.

3. Xu hướng và dự báo

❖ Xu hướng

- **Tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ thủy sản toàn cầu**: khi dân số thế giới tiếp tục tăng và xu hướng chuyển sang chế độ ăn uống lành mạnh, thủy sản – đặc biệt là cá, tôm, và các sản phẩm giàu protein – sẽ ngày càng được ưa chuộng.

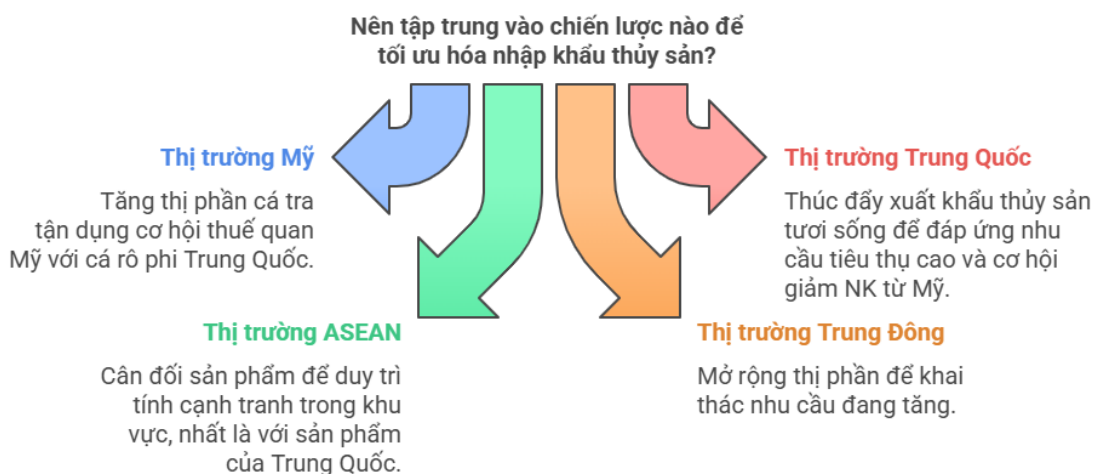
- **Lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA):** Việt Nam đã ký kết nhiều FTA quan trọng như EVFTA (EU), CPTPP, RCEP, và UKVFTA, mang lại lợi thế về thuế quan ưu đãi khi xuất khẩu thủy sản sang các thị trường, đồng thời mở ra cơ hội về đa dạng hóa nguyên liệu cho chế biến XK
- **Xu hướng tiêu dùng bền vững và Ứng dụng công nghệ 4.0** trong sản xuất và chế biến là cơ hội tối ưu hóa quy trình sản xuất, truy xuất nguồn gốc minh bạch, và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- **Phát triển kinh tế tuần hoàn** trong ngành thủy sản: cơ hội tăng doanh thu và giúp ngành đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.
- **Chuyển đổi số và thương mại điện tử:** giúp các doanh nghiệp giảm phụ thuộc vào trung gian và tăng lợi nhuận.
- **Tăng cường đầu tư nước ngoài và hợp tác quốc tế:** Các dự án hợp tác quốc tế có thể mang lại nguồn vốn, công nghệ tiên tiến, và kinh nghiệm quản lý, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.
- **Phát triển thị trường nội địa:** Tầng lớp trung lưu gia tăng và nhận thức về sức khỏe được nâng cao, nhu cầu tiêu thụ thủy sản chất lượng cao trong nước dự kiến tăng mạnh.

❖ **Dự báo XK thủy sản năm 2025**

• **Dự báo theo ngành hàng:**

- **Tôm:** Sản lượng tôm toàn cầu dự kiến tăng 2% vào năm 2025, đạt khoảng 6,1 triệu tấn. Giá tôm đã phục hồi vào cuối năm 2024. Sản lượng tôm sú toàn cầu dự kiến tăng 7%, đạt 672.000 tấn. Xuất khẩu tôm Việt Nam năm 2025 có thể đạt trên **4 tỷ USD** nếu có các động lực hỗ trợ.
- **Cá tra:** Sản lượng cá tra dự kiến đạt 1,65 triệu tấn vào năm 2025. Xuất khẩu cá tra có thể đạt **trên 2 tỷ USD**. Trung Quốc vẫn là thị trường quan trọng nhất, tiếp theo là Mỹ và EU.
- **Cá ngừ:** Kim ngạch xuất khẩu cá ngừ có thể dao động từ **950 triệu USD đến 1 tỷ USD**. Các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Đông sẽ tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng.
- **Cua ghẹ và nhuyễn thể có vỏ:** Xuất khẩu cua, ghẹ và nhuyễn thể có vỏ tiếp tục có động lực nhờ nhu cầu gia tăng từ Trung Quốc.
- **Mực, bạch tuộc và các loài cá biển khác:** Xuất khẩu mực, bạch tuộc sẽ tiếp tục gặp khó khăn về nguyên liệu và sự sụt giảm nhu cầu tại các thị trường chính. Xuất khẩu các loài cá biển khác cũng gặp thách thức tương tự.
- **Kết quả XK TS cả năm 2025** có thể không đạt mức dự kiến ban đầu là **10,1- 11 tỷ USD** do tác động của chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ. Mức độ sụt giảm còn phụ thuộc vào mức thuế NK của Mỹ, mức thuế chống bán phá giá với tôm và cá tra, đạo luật bảo vệ thú biển (MMPA) đối với hải sản.

- Xu hướng xuất khẩu thủy sản:



III. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XUẤT KHẨU VÀ HỖ TRỢ, THÚC ĐẨY CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA VÀO CHUỖI GIÁ TRỊ

Để một ngành hàng, nhất là ngành hàng thủy sản gắn chặt với bà con nông-ngư dân, và cộng đồng doanh nghiệp thủy sản là tiên phong cho phát triển, có thêm các động lực phát triển mới thì quan điểm cách tiếp cận nên là:

- Vươn ra thế giới, tăng cường hội nhập và sức mạnh nội sinh;
- Giải quyết các điểm nghẽn tại các quy định pháp luật
- Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ và chuyển đổi số
- Giải phóng sức mạnh trí tuệ và kiến tạo cho phát triển.

Xuất khẩu thủy sản cần có **động lực tăng trưởng mới** trong bối cảnh thế giới quá nhiều bất định, thay đổi nhanh trong kỷ nguyên số. Dự báo tăng trưởng tiêu thụ thủy sản toàn cầu chỉ đạt mức **5-6%/năm** trong khi ngành thủy sản Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu 2 con số trong thời gian tới. Để đạt được mục tiêu này, ngành không chỉ cố gắng giữ vững thị phần, tăng hàm lượng chế biến GTGT mà ngành cần nghiên cứu để có một **mô hình tăng trưởng mới phù hợp**.

1. **Tạo động lực cho nông-ngư dân nuôi trồng và khai thác:** Từ góc nhìn của Hiệp hội, đây là vấn đề cốt lõi quan trọng. Nguyên liệu cho xuất khẩu và tiêu dùng là vấn đề sống còn, và là tiền đề cho tăng trưởng. Nông-ngư dân là lực lượng lớn tham gia trong ngành, nhưng không ít trong số đó vẫn còn khó khăn, còn những bất cập khác nhau:
 - a. Làm sao để Ngư dân, bên cạnh việc tuân thủ các quy định pháp luật bao gồm cả IUU, có động lực để tăng cường khai thác biển, tái đầu tư để vươn khơi xa; ngư dân được khai thác & tiêu thụ nguyên liệu bình thường. Giải pháp/đề án có thể nghĩ tới là: (i) Chợ đầu giá (để bán được giá tốt nhất cho ngư dân) và tập trung được dữ liệu TXNG; (ii) soát xét, sử đổi phù hợp các quy định liên quan đến vùng khai thác (bờ, lộng, khơi); (iii) soát xét, sửa đổi phù hợp các quy định liên quan đến kích thước khai thác tối thiểu của một số loài – đặc biệt là cá ngừ vây, ngừ vây vàng & các loài di cư; (iv) Xem xét khơi thông xuất khẩu được con ruốc (không cần S/C, C/C) sang thị trường EU vì khai thác ruốc chỉ dùng thuyền thúng và gần bờ, tạo thuận lợi cho đời sống ngư dân; (v) Có chiến lược xây dựng mô hình các Tập đoàn/doanh nghiệp lớn về khai thác biển để hợp tác khai thác với các quốc gia có biển –

không chỉ mở rộng phạm vi hoạt động mà còn tạo động lực mới cho ngư dân khai thác biển, cho nguồn nguyên liệu dồi dào bền vững hơn.

- b. Làm sao để nông dân (người NTTS) có động lực mới để đầu tư và tăng cường các hoạt động NTTS – cả trên đất liền và trên biển. Giải pháp/đề án có thể nghĩ tới là: (i) Rà soát các quy định PL để người dân NTTS có thể thế chấp, có thể vay vốn ngân hàng một cách bình thường; (ii) Cấp giấy phép mặt nước cho người dân (như dạng “sổ đỏ”) để người dân có thể vay vốn từ các quỹ hoặc ngân hàng; (iii) Tập trung cho vấn đề “**con giống**”: kiểm tra chặt hơn việc lưu thông, tiêu thụ tôm giống kém chất lượng; còn với giống cá tra cần phải có quy hoạch cho phát triển giống & có cơ chế ưu tiên cho người làm giống, thu hút các bên tham gia; (iv) Các Tỉnh cần ưu tiên sử dụng các quỹ đất/mặt nước cho NTTS, bao gồm cả diện tích mới và diện tích hết hạn thuê, thay vì chỉ tập trung cho du lịch, phát triển đô thị.
- c. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, **chuyển đổi số** và có quy chế ràng buộc các chủ thể tham gia ngành thủy sản phải quan tâm và có giải pháp kiểm soát, hạn chế và trung hoà phát thải để ngành phát triển ổn định và bền vững.

2. **Tạo động lực cho doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản:**

- a. **Chính phủ, Bộ Ngoại giao & Bộ Công Thương:** tập trung các hoạt động ngoại giao kinh tế, đàm phán song phương & Xúc tiến thương mại (XTTM) có mục tiêu tại các thị trường quan trọng để khơi thông lợi thế cho thủy sản Việt Nam – có thể kể ra: (i) Thị trường **Nhật Bản** nhập khẩu tôm VN đứng đầu 2024, nhưng có thể sẽ bị tôm Indonesia soán ngôi đầu do Indonesia bị áp thuế cao ở Mỹ và sẽ tìm cách chuyển đổi qua Nhật Bản; (ii) Thúc đẩy việc đàm phán với **Hàn Quốc** để bãi bỏ hạn ngạch đối với Tôm Việt Nam xuất khẩu vào Hàn Quốc trong khuôn khổ Hiệp định VKFTA nhằm điều chỉnh thuế suất về 0% cho tôm Việt Nam, (iii) Vấn đề thẻ vàng của thị trường EU đối với hải sản khai thác từ Việt Nam, (iv) Thúc đẩy các hoạt động mở rộng thị phần tại khu vực các nước Trung đông và Halal: VASEP & các doanh nghiệp tham gia triển lãm hoặc kết nối B2B tại Tiểu vương quốc Arap (Dubai), Arap Saudi; (v) Tổ chức ngày thủy sản Việt Nam (Vietnam Seafood day) trong khối ASEAN – đây là cách Thái Lan đã & đang làm tốt thời gian qua về ngày hàng Thái Lan tại nhiều nước ở khu vực ASEAN, Hàn Quốc và Nhật Bản. Hay như Hàn Quốc đã đẩy mạnh chương trình “K-Food” trên toàn thế giới, và Việt Nam với mạng lưới ngoại giao tốt có thể thí điểm tổ chức chương trình “**V-Food**”; (vi) Duy trì tốt các chương trình XTTM đã được phê duyệt (*Hội chợ thủy sản Bắc Mỹ, Triển lãm Thủy sản Toàn cầu tại Barcelona Tây Ban Nha; Hội chợ Thủy sản Châu Á, Hội chợ Thủy sản và Nghề cá Trung Quốc, Hội chợ Thủy sản và Nghề cá Hàn Quốc*), mở rộng tìm kiếm thị trường thay thế bằng sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho các chương trình triển lãm mới như (*Hội chợ Gulfood tại Dubai, Hội chợ Thực phẩm Finefood Australia tại Sydney – Úc, Hội chợ Thực phẩm Food Expo Pro tại Hongkong, Triển lãm Thủy sản Châu Mỹ La tinh tại Sao Paolo – Brazil*).
- b. **Chính phủ, Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước:** Tiếp tục đẩy mạnh việc cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, như là: (i) Sớm đưa vào quy phạm pháp luật nội dung xác nhận sản phẩm thủy sản là sản phẩm có “hoạt động chế biến” để hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như văn bản của lãnh đạo Bộ Tài chính đã xác nhận tại VB 2550/BTC-TCT ngày 12/3/2021; (ii) Giải quyết vướng mắc về thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với các dự án đầu tư mở rộng, dự án mới có phát sinh doanh thu; (iii) NHNN tiếp tục chỉ đạo ưu đãi lãi vay USD dưới 4% cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

- c. **Bộ NN & PTNT**: Tiếp tục việc cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa các TTHC, như là: **(i)** Đẩy mạnh việc ứng dụng chuyển đổi số để áp dụng triệt để trong các quy trình/thủ tục hành chính (đề xuất khẩu & NK lô hàng) với doanh nghiệp, tránh việc áp dụng song song “số” và “giấy”; **(ii)** Không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ/hồ sơ thuộc thủ tục hành chính khác, với cơ quan nhà nước khác ngoại phạm vi quy định; **(iii)** Xem xét bãi bỏ việc kiểm tra ADN đê, cừu & ngựa trong sản phẩm bột cá; **(iv)** tiếp tục xem xét theo nguyên tắc quản lý rủi ro để có hướng dẫn cho việc kiểm tra chuyển đổi mục đích sử dụng nguyên liệu thủy sản (*nhập sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu sang nội địa*) **(v)** Tiếp tục rà soát cải thiện quy trình/thủ tục việc cấp giấy S/C, C/C để giải quyết các bất cập phát sinh trong thời gian qua; **(vi)** Tiếp tục quan tâm & phối hợp Bộ Y tế để có quy định dư lượng kháng sinh bán cho thị trường nội địa ngang bằng chỉ tiêu quy định của thị trường EU.

3. Đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn và khơi thông các nguồn lực cho ngành hàng thủy sản phát triển:

3.1. Với "**Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**" và các Nghị định hướng dẫn hiện hành - mà Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì sửa đổi:

- Bãi bỏ cách tiếp cận của 20 năm trước khi ban hành "danh mục hàng hóa nhóm 2" khiến đa phần các sản phẩm đều phải làm thủ tục "công bố" khi lưu hành: Cụ thể, bỏ quy định yêu cầu "công bố hợp quy, công bố hợp chuẩn", bỏ danh mục hàng hóa nhóm 2 - thay vào đó là quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật như các nước đang thực hiện;
- Thay đổi cách tiếp cận quản lý từ "tiền kiểm" sang "**hậu kiểm**" theo nguyên tắc quản lý rủi ro (dựa vào: mức rủi ro của sản phẩm, lịch sử tuân của doanh nghiệp, và cảnh báo quốc tế). Từ đó các Bộ quản lý chuyên ngành, bên cạnh việc áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, thì phân ra các nhóm sản phẩm: Miễn kiểm tra, Kiểm tra giảm, Kiểm tra thường và Kiểm tra chặt.
- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý chất lượng, nhưng tuyệt đối không chế định một vài công cụ cụ thể của truy xuất nguồn gốc khi mà KHCN liên tục phát triển với nhiều công cụ áp dụng được & hiệu quả.
- Không áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng của hàng lưu thông trong nước đối với hàng hóa xuất khẩu.

3.2. **Nghị định 09/2016** (quy định tăng cường vi chất dinh dưỡng) - Chính phủ đang chỉ đạo Bộ Y tế chủ trì sửa đổi.

- Đề nghị không áp dụng quy định bắt buộc dùng muối có i-ốt cho hàng thủy sản xuất khẩu vì các nhà nhập khẩu không chấp nhận.
- Đề nghị bắt buộc áp dụng với muối dạng rắn, nêm...nhưng không bắt buộc với chế biến thực phẩm nói chung.

3.3. **Luật Thủy sản, Nghị định 37/2024** hướng dẫn Luật Thủy sản và một số Thông tư của Bộ NN & PTNT - mà Chính phủ đang chỉ đạo Bộ NN & PTNT chủ trì soạn thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 37/2024:

- Bãi bỏ cách thức quản lý "**kích thước khai thác tối thiểu**" với một số loài hải sản, đặc biệt là các loài Di cư (ngừ vằn, ngừ vây vàng, ngừ chù, ngừ ồ....) do không có cơ sở khoa học và trên thế giới không quốc gia nào áp dụng biện pháp này cho loài di cư. Thay vào đó áp dụng các biện pháp phù hợp: mùa vụ khai thác, hạn ngạch...

- Khôi thông tắc nghẽn & cải cách hơn nữa thủ tục cấp giấy chứng nhận nguyên liệu hải sản (S/C) và Giấy chứng nhận khai thác (C/C) - là điều kiện để xuất khẩu hải sản khai thác vào EU.
 - Sửa đổi hoặc ghi chú để CQQL và doanh nghiệp thống nhất thực hiện đúng theo "Danh mục sản phẩm thủy sản được phép kinh doanh".
- 3.4. **Chương trình SIMP của Mỹ** (gần giống như IUU) áp dụng cho 13 loài thủy hải sản xuất khẩu vào Mỹ:
- Mặt hàng Tôm chiến lược của VN trông chờ vào việc các Tỉnh thực hiện Luật quy hoạch **để đánh số ao nuôi**, hiện nay mới chỉ đạt **khoảng hơn 20% số ao nuôi tôm** toàn quốc được đánh số để phục vụ truy xuất nguồn gốc, hoàn thiện hồ sơ SIMP mỗi lô hàng. Trong khi chương trình SIMP đã có hiệu lực hơn 5 năm. Việc này tiềm ẩn nhiều rủi ro cho ngành hàng.
 - Mỹ đang xem xét mở rộng SIMP cho toàn bộ các mặt hàng thủy hải sản.
- 3.5. **Đạo luật bảo vệ động vật biển có vú (MMPA):** Mỹ đã có thông báo **không công nhận Việt Nam tương đương đối với 12 nghề cá**, và sẽ cấm nhập khẩu nhiều loài hải sản VN từ **01/01/2026**. Kính đề nghị Chính phủ, Bộ NN và MT, các Bộ ngành và các cơ quan liên quan nhanh chóng có phương án khắc phục tránh bị cấm NK vào thị trường Mỹ.
- 3.6. **Quy định IUU của EC và cảnh báo thẻ vàng IUU:** Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về chống khai thác IUU đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt để gỡ Thẻ vàng trong năm nay. Kính đề nghị các chỉ đạo của Chính phủ được triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương ở cả các vấn đề kỹ thuật, pháp lý đến ngoại giao, đồng thời vẫn đảm bảo khôi thông cho xuất khẩu hải sản khai thác từ bà con ngư dân và sửa ND 37/2024 như nói trên.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ HH;
- BCH & BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ



Nguyễn Hoài Nam